

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Điềm
2. Ông Bùi Trung Thành.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 13/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/8/2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-ST ngày 25/10/2018 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị A** – Sinh năm 1993

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn B** - Sinh năm 1992

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh B, chị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 09/8/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị **Lê Thị A** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Lê Văn B** kết hôn với nhau ngày 26/02/2012, việc kết hôn là do chị và anh **B** tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Ấn, huyện E, tỉnh Thanh Hóa và đã được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau được thời gian khoảng 05 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh **B** có hành vi bạo lực, đánh đập chị nhiều lần; do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 04/2018 đến nay, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị xét thấy, mâu thuẫn vợ

chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **B** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **B**.

Về con chung: Chị và anh **B** có 02 con chung cháu Lê Thị Diệu **F** – sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Đức Lâm – sinh ngày 20/3/2015. Ly hôn, chị xin được nuôi 02 con và chị không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu được nuôi 01 cháu thì chị xin nuôi cháu **F**. Hiện chị làm công nhân có thu nhập mỗi tháng 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Lê Văn **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất nh- lời trình bày của chị **A** về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh có gọi chị **A** về nhưng chị **A** không về, nên đã có lần anh có tát chị **A** mấy cái. Nay chị **A** xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **A** và anh được ly hôn. Quan điểm của tôi: Anh đề nghị Tòa án hòa giải quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu chị **A** cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của các cháu. Ly hôn, anh xin được nuôi 02 cháu và anh không yêu cầu chị **A** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm nghề lao động tự do với mức thu nhập 4.000.000đ đến 5.000.000đ.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất như ý kiến của chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản thu thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng **C**, xã **D**, huyện **E** cung cấp như sau:* Anh Lê Văn **B** và chị Lê Thị **A** kết hôn với nhau vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Ấn, huyện **E**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **B** ở Làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc khoảng tháng 05/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị đánh đập, chửi bới lẫn nhau, do không hợp cách cư xử và lối sống, cách làm ăn. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 02 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ọc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hôn nhân: Xử cho chị **A** và anh **B** được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lâm cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn **B**, anh **B** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2]Về hôn nhân: Chị Lê Thị **A** và anh Lê Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2012, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của anh **B**, chị **A** cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thấy rằng: Anh chị có quan điểm và tính cách sống không hợp nhau, anh **B** đã có lần đánh chị **A**. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên tháng 04/2018 chị **A** về bên ngoại sinh sống, anh chị mỗi người một nơi và sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Chị **A** yêu cầu được ly hôn, anh **B** mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng anh đã không tích cực trong việc tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn, không có hành động gì để thể hiện mong muốn đoàn tụ của mình.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu thuẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc nên chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị **A**. Xử cho chị Lê Thị **A** đ-ợc ly hôn với anh Lê Văn **B** là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]Về con chung: Anh **B**, chị **A** có 02 con chung: Cháu Lê Thị Diệu **F**– sinh ngày 22/8/2012 và cháu Lê Đức Lâm – sinh ngày 20/3/2015. Ly hôn, nguyện vọng của chị **A** là xin được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu anh **B** cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nếu được nuôi 01 cháu thì chị xin nuôi cháu **F**; anh **B** xin nuôi 02 cháu và không yêu cầu chị **A** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét nguyện vọng của anh chị đều hoàn toàn chính đáng, nhưng việc giao con cho ai nuôi phải dựa trên quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên thì thấy rằng: Hiện nay anh **B**, chị **A** đều làm nghề lao động tự do, ngoài ra các cháu đang còn nhỏ nên việc giao 02 cháu cho anh **B** hoặc chị **A** nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được về sinh hoạt và học tập của các cháu. Như vậy, việc giao cháu

F cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **Lâm** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được điều kiện về mọi mặt của các cháu.

[4]Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5]Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị **Lê Thị A** được ly hôn với anh **Lê Văn B**.

2. Về con chung: Cháu **Lê Thị Diệu F** – sinh ngày 22/8/2012 và cháu **Lê Đức Lâm** – sinh ngày 20/3/2015 là con chung của anh **Lê Văn B**, chị **Lê Thị A**. Giao cháu **F** cho chị **A** trực tiếp nuôi dưỡng, cháu **Lâm** cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Anh **B**, chị **A** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị **Lê Thị A** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2016/0002033 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, Chị **A** đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhân:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- Chi cục THA DS huyện **E**;
- UBND xã Nguyệt Ấn;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

